

Tình yêu dân tộc - minh triết Việt cho kỷ nguyên mới

ISSN: 2734-9195 10:45 21/11/2025

“Yêu dân tộc là một lời nguyện dài lâu: sống sao cho đất nước được bình yên vì có mình.”

Tác giả: **Ths Nguyễn Hoàng Hành (Minh Dục)**

Phó Vụ trưởng Vụ Tuyên truyền công tác dân tộc, tôn giáo – Bộ Dân tộc và Tôn giáo

Tóm tắt

Bài viết tiếp cận tình yêu dân tộc Việt Nam dưới góc nhìn Phật học ứng dụng, minh triết truyền thống và tư tưởng Hồ Chí Minh, coi đây không chỉ là cảm xúc tự nhiên mà là một “*năng lực đạo đức – chính trị*” mang tính kiến tạo. Từ tinh thần Từ-Bi và quan niệm “*vô ngã vị tha*”, bài nghiên cứu lý giải vì sao tình yêu dân tộc của người Việt Nam được hình thành như một “*cộng mệnh lịch sử*”, gắn với nghiệp chung, ký ức chung và trách nhiệm chung.

Trên cơ sở phân tích các giá trị cốt lõi của minh triết Việt qua những nhân vật tiêu biểu như Hai Bà Trưng, Trần Hưng Đạo, Nguyễn Trãi và Hồ Chí Minh, bài viết đề xuất hệ khái niệm mới - “*Bồ đề tâm công dân*”, “*di sản mềm*”, “*quản trị từ bi*”, “*kháng thể số*” - nhằm định hình nền đạo lý Việt Nam thế kỷ XXI. Từ đó, tác giả khẳng định: tình yêu dân tộc trong thời đại mới phải trở thành sức mạnh phát triển quốc gia, dựa trên trí tuệ, trách nhiệm và tinh thần không bỏ rơi bất kỳ ai.

Từ khóa: Tình yêu dân tộc, Phật học ứng dụng, Bồ đề tâm công dân, Minh triết Việt Nam, Di sản mềm, Quản trị từ bi, Kháng thể số

Abstract

This article approaches Vietnamese patriotism through the lens of applied Buddhist thought, traditional Vietnamese wisdom, and Ho Chi Minh’s political-ethical philosophy. It argues that patriotism is not merely an emotional

attachment but a constructive moral capacity shaped by compassion, interdependence, and collective responsibility. Drawing from Buddhist notions of loving-kindness, non-self, and shared karmic destiny, the study explains why the Vietnamese sense of nationhood has historically emerged as a “*collective mandate*”—rooted in common suffering, shared memory, and communal resilience.

Through examining emblematic figures such as the Trung Sisters, Trần Hưng Đạo, Nguyễn Trãi, and Ho Chi Minh, the article identifies core components of Vietnamese moral intelligence. It further proposes several innovative conceptual frameworks - “*Civic Bodhicitta*,” “*soft heritage*,” “*compassionate governance*,” and “*digital immunity*”—as foundational elements for a Vietnamese ethical paradigm in the 21st century. It concludes that modern patriotism must evolve into a national capacity for development, grounded in wisdom, integrity, and a deep commitment to ensuring that no one is left behind.

Keywords: Patriotism, Applied Buddhist Studies, Civic Bodhicitta, Vietnamese Wisdom Tradition, Soft Heritage, Compassionate Governance, Digital Immunity

Lời dẫn

Có những tình yêu là cảm xúc.

Có những tình yêu là lựa chọn.

Và cũng có thứ tình yêu trở thành vận mệnh, nơi mỗi người gắn phần đời mình vào số phận của một cộng đồng. Tình yêu dân tộc của người Việt Nam thuộc về loại ấy.

Dân tộc Việt không hình thành từ quyền lực, mà từ “*nghiệp chung của dân tộc*” – một cộng mệnh lịch sử kéo dài qua bao thế kỷ. Mỗi thế hệ, bằng cách này hay cách khác, đều đang tiếp tục trả lời lời nguyện mà tổ tiên đã gửi lại: giữ nước, dựng nước, làm người Việt cho xứng đáng.

Chính vì vậy, trước mọi thử thách, người Việt không tản mát – người Việt tụ lại. Tụ lại từ lòng nhân, sự đùm bọc và tinh thần “*căn tính Việt – một dòng minh triết nhân hậu*”. Tụ lại để nâng nhau dậy, để vượt qua gian khó, để không bỏ rơi bất kỳ ai – từ miền ngược đến miền xuôi, từ đồng bằng đến rẻo cao.

Nhìn từ Phật pháp, tình yêu dân tộc Việt Nam không phải tự tôn cực đoan; nó là tình thương vô ngã: thương những phận người lam lũ, thương con trẻ vùng cao, thương từng nỗi nhọc nhằn nơi biên cương – vì nỗi đau của dân cũng là nỗi đau

của mình.

Nhìn từ tư tưởng Hồ Chí Minh, yêu dân tộc không chỉ là cảm xúc mà là trách nhiệm chính trị: *“Việc gì có lợi cho dân, ta phải hết sức làm.”* Đó là bản sao hiện đại của tinh thần Từ – Bi – Trí – Dũng trong minh triết Việt.

Trong những bài viết trước, đặc biệt *“Tiếng gọi mẹ ơi”*, tôi từng viết: *“Tiếng gọi ‘mẹ ơi’ là âm vang của lương tri Việt.”* Hôm nay, ở bình diện lớn hơn, đó cũng là tiếng gọi của Tổ quốc – gọi mỗi người trở về với cội nguồn, với bốn phận, với phần tinh khiết nhất trong lương tâm mình.

Tình yêu Dân tộc được viết từ tiếng gọi ấy. Không để hoài niệm quá khứ, mà để mở ra tương lai:

Một tương lai Việt Nam hiện đại nhưng nhân văn, mạnh mẽ nhưng không đánh mất lòng lành, hội nhập nhưng giữ trọn bản sắc, phát triển nhưng không ai bị bỏ lại phía sau.

Vì yêu dân tộc – nói đến cùng – không phải một cảm xúc, mà là một hành trình giác ngộ và dẫn thân, nơi mỗi người hiểu rằng: Mình là máu của đất này, là giọt sương của hồn Việt, là thế hệ nối dài lời nguyện của tổ tiên.



Hình ảnh minh họa (sưu tầm).

Cơ sở lý thuyết và phương pháp tiếp cận

Cơ sở lý thuyết

Bài viết đặt nền tảng trên một khung lý thuyết đa tầng, kết hợp giữa khoa học xã hội hiện đại và Phật học ứng dụng – tiếp cận “*hai dòng chảy*” bổ trợ lẫn nhau: một bên lý giải cấu trúc xã hội – dân tộc, một bên giải thích chiều sâu nội tâm – tinh thần của cộng đồng Việt Nam.

(1) Lý thuyết cộng đồng tưởng tượng – Benedict Anderson (1983)

Anderson xác định dân tộc là một “*cộng đồng được tưởng tượng*” dựa trên ký ức chung, không gian biểu tượng chung và niềm tin vào một tương lai chung. Cách hiểu này giúp lý giải rằng tình yêu dân tộc không phải là cảm xúc ngẫu phát, mà là một kết cấu tinh thần được kiến tạo qua lịch sử – ngôn ngữ – văn hóa. Từ đó, tình yêu dân tộc Việt Nam được nhìn như một “*ý thức cộng đồng lâu dài*”, có tính chất kế thừa và vận động.

(2) Lý thuyết cảm xúc chính trị – Martha Nussbaum (2013)

Nussbaum chỉ ra rằng cảm xúc như yêu thương, tự hào hay đồng cảm có thể trở thành nguồn lực công để kiến tạo quốc gia bền vững. Theo hướng tiếp cận này, tình yêu dân tộc không dừng lại ở lòng tự hào truyền thống, mà trở thành động cơ phát triển, nuôi dưỡng lòng tin, trách nhiệm và ý chí vượt khó của cộng đồng người Việt Nam trong kỷ nguyên mới.

(3) Minh triết Việt – Di sản mềm của văn hóa Việt Nam

Dựa vào các nghiên cứu của Nguyễn Đăng Duy, Trần Ngọc Thêm và hệ thống giá trị Việt Nam, minh triết Việt được hiểu như tổng hòa của: tính dung hợp và khoan hòa, từ bi – nhân ái, đạo lý hiếu – nghĩa – trung – tín, tinh thần cộng sinh – cố kết cộng đồng.

Minh triết Việt chính là “*di sản mềm*” chi phối cách người Việt Nam yêu nước, yêu cộng đồng – tạo nên sắc thái đặc thù của tình yêu dân tộc Việt Nam: mềm nhưng bền, lặng mà sâu, giàu khả năng hóa giải xung đột.

(4) Phật học ứng dụng

Phật học ứng dụng cung cấp chiều sâu triết học cho khái niệm tình yêu dân tộc, dựa trên hai trụ cột: Từ bi – Trí tuệ (*karuṇā – prajñā*), Nhân duyên – Tương tức (*pratītyasamutpāda – interbeing*).

Nhờ vậy, tình yêu dân tộc được mở rộng từ “*tình cảm huyết thống*” sang “*tình thương trách nhiệm*”, trở thành Bồ đề tâm công dân – một hình thái đạo đức xã

hội thúc đẩy lòng nhân, ý thức cống hiến và sự đồng tâm của cộng đồng trong phát triển đất nước.

Phương pháp tiếp cận

Bài viết vận dụng ba nhóm phương pháp kết hợp, bảo đảm tính khoa học, chiều sâu lý luận và khả năng gợi mở thực tiễn.

(1) Phân tích – diễn giải văn bản

Tiếp cận các nguồn kinh điển Phật học, tư tưởng Hồ Chí Minh, sử liệu Việt Nam và các công trình Việt học, bài viết diễn giải bản chất của “*tình yêu dân tộc*” như một phạm trù văn hóa – chính trị – đạo đức. Phương pháp này làm bật lên hệ giá trị cốt lõi của dân tộc Việt Nam và sự chuyển hóa của nó qua các thời kỳ.

(2) So sánh – đối chiếu văn hóa

Tình yêu dân tộc Việt Nam được đặt trong tương quan với nhiều mô hình quốc tế như: tinh thần cộng đồng Đông Á, chủ nghĩa cộng đồng Ubuntu của châu Phi, lý thuyết “*công bằng – trách nhiệm*” của Amartya Sen.

Sự đối chiếu này giúp bài viết không bị “*khép kín*” trong không gian Việt Nam, mà mở ra cái nhìn toàn cầu, làm rõ tính phổ quát – độc đáo – thích ứng của mô hình Việt Nam trong bối cảnh hội nhập.

(3) Nghiên cứu trường hợp (case-based reasoning)

Các biểu tượng lịch sử – văn hóa như Hai Bà Trưng, Nguyễn Trãi, Chủ tịch Hồ Chí Minh, chị Út Tịch... được sử dụng như những “*trường hợp mẫu*” cho sức mạnh của tình yêu dân tộc. Phương pháp này giúp luận điểm trở nên sinh động, dựa trên thực chứng văn hóa – lịch sử, qua đó tạo sự cân bằng giữa lý thuyết và đời sống.



Hình ảnh minh họa (sưu tầm).

PHẦN I: TÌNH YÊU DÂN TỘC - KHỞI NGUỒN CỦA MỌI HÀNH TRÌNH

1.1. Dân tộc - danh xưng hay mệnh trời?

Trước khi Việt Nam có quốc hiệu, Việt Nam đã có một mệnh trời chung.

Từ buổi phân ly Lạc Long Quân - Âu Cơ, dân tộc này hiện hữu không phải vì quyền lực, mà vì “*ngiệp chung của dân tộc*” – một cộng mệnh bền bỉ đưa những con người khác biệt về vùng miền, ngôn ngữ, phong tục... thành một chúng ta.

Lịch sử Việt Nam chứng minh: khi thuận lợi, ta chia sẻ niềm vui; khi gian nguy, ta chia nhau cả nỗi đau. Bởi tình yêu dân tộc không bắt đầu bằng khẩu hiệu, mà bằng thói quen đứng cạnh nhau, nương nhau, dìu nhau qua bao phen biến cố. Trong nhiều nền văn minh, quốc gia hình thành từ sức mạnh quân sự hay tôn giáo.

Nhưng dân tộc Việt Nam lớn lên từ một thứ quý hơn: đạo lý giữ nước bằng nhân nghĩa. Chúng ta bảo vệ đất nước trước hết bằng tình người – và chính tình người ấy trở thành thành trì mạnh nhất. Người Việt có thể nghèo, có thể thiệt thòi, nhưng không ai nghèo tình. Đó là lý do dân tộc này, càng chịu thử thách, càng đứng vững; càng chung gánh, càng bền chặt.

1.2. Căn tính Việt - một dòng minh triết nhân hậu

Muốn hiểu vì sao tình yêu dân tộc của người Việt sâu đến thế, phải trở lại căn tính Việt: mềm mà không yếu, nhẫn mà không phục, hòa mà không tan, nhân mà vẫn kiên cường.

Tứ vô lượng tâm của Phật giáo – Từ, Bi, Hỷ, Xả – khi đi vào tâm thức Việt đã trở thành những chuẩn mực giản dị: thương người như thể thương thân, sống có nghĩa tình, thấy ai khổ thì nâng, thấy ai lầm thì xót.

Đó không chỉ là đạo lý người Việt, mà là minh triết sống của một dân tộc nhỏ nhưng luôn biết lớn lên bằng lòng nhân.

Căn tính ấy giúp người Việt yêu nước không bằng sự kiêu hãnh đối đầu, mà bằng sự tử tế bền bỉ; không bằng đao to búa lớn, mà bằng tinh thần: *“mình vì mọi người – mọi người vì mình”*.

Trong ngôn ngữ chính luận hiện đại, đó là chính trị của lòng nhân – một triết lý phát triển mang tính Việt Nam sâu sắc: lấy con người làm gốc, lấy nhân nghĩa làm điểm tựa, lấy đoàn kết làm sức mạnh.

1.3. Yêu dân tộc trong ánh sáng Phật pháp

Phật giáo đến Việt Nam từ rất sớm, nhưng điều quan trọng hơn là: đất Việt đã nhào nặn Phật giáo thành minh triết của chính mình.

Khi đất nước lâm nguy, chùa không chỉ là nơi nương nấu tâm linh – mà là nơi nương nấu của dân. Khi dân khổ, người tu hành không tách khỏi cuộc đời – mà dẫn thân vào đời để cứu khổ. Khi vận nước nguy nan, tinh thần Thiền – Trúc Lâm trở thành linh hồn của những quyết sách trọng đại.

Tình yêu dân tộc trong Phật pháp Việt Nam vì thế có ba đặc tính: nhân ái, tỉnh thức và bền bỉ.

Nó không phải yêu trong mù quáng, mà là yêu bằng tuệ giác: thấy nỗi đau của dân để hành động, thấy lỗi lầm của nhau để bao dung, thấy vận nước để đứng về phía những điều đúng đắn.

Đó là lý do tôi gọi tình yêu dân tộc của người Việt là: *“từ bi có tổ chức”* – tình thương được nâng lên thành chính sách, thành giáo dục, thành an sinh, thành trách nhiệm, thành cam kết phát triển.

Yêu dân tộc – trong minh triết Việt – không phải rung động nhất thời, mà là một kỷ luật tinh thần, một sự chọn lựa có ý thức, một lời nguyện gắn với tương lai của cả cộng đồng.

PHẦN II: NHỮNG GƯƠNG MẶT LÀM NÊN TÌNH YÊU DÂN TỘC

2.1. Hai Bà Trưng - khí phách khai mở căn tính dân tộc

Lịch sử các dân tộc thường bắt đầu bằng vương triều hoặc huyền thoại nam giới. Lịch sử Việt Nam lại mở ra bằng hai người phụ nữ.

Khởi nghĩa Hai Bà Trưng không chỉ là trận đầu chống Bắc thuộc; đó là tuyên ngôn đầu tiên của phụ đạo Việt – di sản mềm dẻo đáo của dân tộc này: phụ nữ không đứng sau, mà đứng thẳng; không giữ mình, mà giữ nước; không chờ ai gọi, mà tự mình đứng lên.

Hai Bà khởi nghĩa vì nỗi đau riêng, nhưng đánh thức nỗi đau chung. Từ thời khắc ấy, dân tộc Việt Nam định hình một phẩm chất chưa từng phai: yêu nước là yêu người; bảo vệ phẩm giá là bảo vệ dân tộc.



Hình ảnh minh hoạ (sưu tầm).

2.2. Trần Hưng Đạo - anh hùng nhân nghĩa

Trần Hưng Đạo không chỉ chiến thắng quân Nguyên; ông chiến thắng nỗi sợ trong lòng dân tộc.

Câu nói bất hủ: *“Nếu bệ hạ muốn hàng, hãy chém đầu tôi trước.”* là lời thề của một người hiểu rõ đạo lý Việt: đất nước có thể nguy, nhưng nhân phẩm không được phép mất.

Chiến thắng Bạch Đằng là chiến thắng của trí tuệ tập thể: dân – quân thành một khối, đánh giặc bằng mưu lược nhưng giữ lòng nhân hậu với con người.

Ở Trần Hưng Đạo, sức mạnh quân sự hòa vào đạo lý giữ nước bằng nhân nghĩa – nguyên tắc vàng của dân tộc Việt Nam suốt nghìn năm.



Hình ảnh minh họa (sưu tầm).

2.3. Nguyễn Trãi - chính trị của lòng nhân

Nếu Trần Hưng Đạo là khí phách, thì Nguyễn Trãi là trí tuệ của tình yêu dân tộc. Bình Ngô Đại Cáo không chỉ vá lại non sông, mà vá lại lòng người, bằng hai câu bất hủ: *“Đem đại nghĩa thắng hung tàn, lấy chí nhân thay cường bạo.”*

Đây không phải lời hay ý đẹp. Đây là cốt lõi của căn tính Việt: một dân tộc nhỏ nhưng không nhỏ nhen; một đất nước từng chịu nhiều đau thương nhưng chưa bao giờ gầy oán.

Nguyễn Trãi đã đặt nền móng cho tư tưởng mà Việt Nam đi theo đến tận hôm nay: sức mạnh lớn nhất của quốc gia là lòng dân.



Hình ảnh minh họa (sưu tầm).

2.4. Hồ Chí Minh - đỉnh cao hiện đại của tình yêu dân tộc

Hồ Chí Minh là người đưa tình yêu dân tộc từ cảm xúc sang đạo đức công vụ, từ lòng thương sang hệ tư tưởng, từ nguyện ước sang hành động cứu nước.

Người không yêu nước bằng lời lẽ; Người yêu nước bằng đời sống: giản dị, liêm chính, hết mình cho dân.

Câu nói *“Việc gì có lợi cho dân, ta phải hết sức làm”* gọn như một mệnh lệnh đạo đức – đồng thời là tinh túy của minh triết Việt: vì dân mà sống, vì dân mà quyết sách.

Ở Hồ Chí Minh, ta thấy sự gặp nhau của ba dòng trí tuệ: Phật học từ bi, văn hóa Việt nghĩa tình, cách mạng hiện đại vì con người.

Nhờ vậy, tình yêu dân tộc trong Người không ồn ào nhưng bền bỉ, không cực đoan nhưng bất khuất, không phô trương nhưng thấm đến tận cội nguồn dân tộc.



Hình ảnh minh họa (sưu tầm).

2.5. Ngọn lửa Út Tịch

Nếu lịch sử có những anh hùng bằng trí và bằng đạo, thì Út Tịch là anh hùng bằng trái tim. “*Ngọn lửa Út Tịch*” – như tôi từng viết – không chỉ cháy trên chiến trường; nó cháy trong cách chị thương chồng, nuôi con, yêu quê hương, và dẫn thân vì người nghèo:

Giữa nghèo khó, chị vẫn tin vào đất nước.

Giữa chiến tranh, chị vẫn giữ lòng người.

Giữa mất mát, chị vẫn đứng thẳng, vẫn cười, vẫn chiến đấu.

Út Tịch cho thấy: anh hùng Việt Nam không sinh từ bạo lực, mà sinh từ tình thương đủ lớn để gánh phần gian khó nhất về mình.

Chị là minh chứng rằng căn tính Việt không chỉ nằm trong sách vở; nó sống trong từng con người bình thường nhưng có trái tim phi thường.

Những gương mặt ấy – Hai Bà Trưng, Trần Hưng Đạo, Nguyễn Trãi, Hồ Chí Minh, Út Tịch – không chỉ là nhân vật lịch sử. Họ là minh triết sống của dân tộc Việt Nam. Họ dạy ta một sự thật: Yêu dân tộc không phải là nhìn về quá khứ, mà là biết cách tạo dựng tương lai.

Và trong kỷ nguyên toàn cầu hóa – digital – AI, tình yêu dân tộc phải đối mặt với những thách thức chưa từng có: đứt gãy thông tin, cực đoan mới, khủng hoảng niềm tin, xung đột giá trị.

Đó sẽ là nội dung của Phần III – nơi tình yêu dân tộc bước vào thời đại mới và đứng trước những thử thách mới.



Khu tưởng niệm nữ anh hùng lực lượng vũ trang Nguyễn Thị Út (Út Tịch). Ảnh: sưu tầm.

PHẦN III: TÌNH YÊU DÂN TỘC TRONG KỶ NGUYÊN MỚI

3.1. “Bồ đề tâm công dân” – cốt lõi của tình yêu dân tộc thời hiện đại

Nếu tình yêu tôn giáo hướng con người về cái thiện, thì tình yêu dân tộc đưa con người trở về với trách nhiệm làm dân.

Từ cơ sở ấy, tác giả đề xuất khái niệm “*Bồ đề tâm công dân*”: một trái tim biết yêu nước bằng trí tuệ, bằng hành động, bằng sự tự nguyện gánh phần khó khăn nhất của cộng đồng.

“*Bồ đề tâm công dân*” không đòi hỏi những việc lớn lao. Nó bắt đầu từ những điều rất thường ngày: không lan truyền tin giả, không cổ súy hận thù, không quay lưng với đồng bào yếu thế, không thản nhiên trước bất công.

Đó là một kỷ luật nội tâm: Lựa chọn trở thành người công dân tử tế – mỗi ngày một chút – để Tổ quốc tốt đẹp hơn một chút.

Ở đây, tình yêu dân tộc không phải sự bốc đồng của cảm xúc, mà là tuệ giác hành xử: khả năng chuyển từ tự ái dân tộc sang tự trọng dân tộc, từ tâm lý “nạn nhân” sang tâm thế “kiến tạo”.

Tự ái khiến ta dễ nóng giận. Tự trọng khiến ta đủ bình tĩnh để sửa mình và đủ kiêu hãnh để giữ mình.

3.2. “Tam độc thời AI” và nguy cơ “tự trị mềm” - thách thức mới của lòng yêu nước

Trong kỷ nguyên số, mạng xã hội và trí tuệ nhân tạo có thể làm nở phồng những mặt tối của con người.

Trong thời đại số “tam độc thời AI”: tham được thuật toán hóa, sân được kích nổ bằng các cơn bão phần nộ trực tuyến, si được nuôi lớn trong các bong bóng thông tin.

Nếu không tỉnh táo, tình yêu dân tộc dễ bị bóp méo thành cực đoan, hoặc lạnh đi thành vô cảm.

Song song đó là nguy cơ “tự trị mềm”: những “đảo tâm lý” hình thành ngay trong lòng Tổ quốc – khi một bộ phận đồng bào, vì nghèo đói, bị bỏ quên hoặc bị tác động từ bên ngoài, tự tách mình khỏi mạch chảy chung của đất nước.

Để hóa giải, tình yêu dân tộc thời mới phải đi cùng ba năng lực:

- (1) Giải độc thông tin – để không bị lừa bởi chiêu trò kích động.
- (2) Giải độc cảm xúc – để không bị dắt vào những làn sóng thù hằn.
- (3) Giải độc cực đoan – để giữ lòng từ bi và trí tuệ trong mọi lựa chọn.

Khi mỗi công dân có “kháng thể số”, dân tộc sẽ tránh được những cú đánh vào niềm tin, thứ “huyết mạch mềm” của quốc gia.

3.3. “Đạo lý làm giàu” - sức mạnh kinh tế của lòng yêu nước

Một dân tộc yêu nước sâu sắc trong kỷ nguyên mới không thể là một dân tộc nghèo. Vì nghèo đói kéo dài luôn tạo ra khoảng trống cho cực đoan len vào.

Từ đó hình thành khái niệm “đạo lý làm giàu”: làm giàu tử tế, làm giàu bền vững, làm giàu để nâng đỡ cộng đồng.

Người nông dân ứng dụng công nghệ; người doanh nhân giữ chữ tín; người trí thức làm giàu trí thức – tất cả đều là những hình thức yêu nước mới, thiết thực không thua gì những lời thề trên chiến trường.

Ở tầm dân tộc, “đạo lý làm giàu” cũng là cách thu hẹp khoảng cách giàu nghèo, để lòng yêu nước không bị giằng co bởi mặc cảm và bất công.

3.4. “Trí tuệ buông – sức mạnh giữ”: nguyên tắc bản lề của xã hội đoàn kết

Phật học ứng dụng chỉ ra: buông để nhẹ, giữ để bền.

Tác giả khái quát thành: “*Xả – trí tuệ buông và sức mạnh giữ.*”

Tình yêu dân tộc trong thời đại mới cũng vậy:

Buông: buông định kiến vùng miền, buông chia rẽ tôn giáo, buông ác cảm với sự khác biệt.

Giữ: giữ tiếng Việt trong sáng, giữ ký ức lịch sử đúng đắn, giữ tinh thần đại đoàn kết – điều kiện sinh tồn của dân tộc Việt Nam.

Tinh thần ấy không chỉ dành cho Nhân dân, mà còn dành cho đội ngũ cán bộ, công chức hiện nay: buông đặc quyền, đặc lợi; giữ liêm chính, kỷ luật, đặt dân lên trước.

3.5. “Không để ai bị bỏ lại phía sau” – lời thề đạo lý của một dân tộc từng chịu nhiều mất mát

Giữa thời đại số hóa, đô thị hóa, toàn cầu hóa, điều làm nên “*bản lĩnh Việt Nam*” không phải là tốc độ tăng trưởng, mà là tính nhân văn của sự phát triển.

“*Không để ai bị bỏ lại phía sau*” không chỉ là chính sách; đó là lương tâm của một dân tộc đã nhiều lần đứng dậy từ mất mát.

Một dân tộc có thể mạnh nhờ kinh tế, nhưng chỉ đẹp khi biết nâng đỡ những người dễ bị tổn thương nhất: trẻ em vùng cao, phụ nữ dân tộc thiểu số, người nghèo ven đô, đồng bào tôn giáo, người bị lãng quên ở vùng sâu, vùng xa.

Ở những nơi như vậy, tình yêu dân tộc không nằm ở khẩu hiệu, mà ở hành động: một lớp học được mở thêm; một cây cầu được bắc; một cuộc đối thoại được tháo gỡ hiểu lầm. Chính trong những việc nhỏ ấy, Tổ quốc trở nên hữu hình.

Tình yêu dân tộc, không chỉ là sự hào hùng của quá khứ, mà là sức mạnh kiến tạo tương lai.

Và để tình yêu ấy trở thành động lực phát triển quốc gia, chúng ta phải biết tổ chức nó thành: chính sách đúng, quản trị tốt, văn hóa mạnh, và đạo lý bền.

3.6. Quan điểm trái chiều và phản biện các luận điểm hiện hành

(1) Chủ nghĩa dân tộc cực đoan: Vì sao phải cảnh giác?

Trong bối cảnh truyền thông xã hội, một số quan điểm giản lược cho rằng yêu nước phải gắn với thái độ “ưu tiên nhóm mình”, đề cao bản sắc đến mức bài ngoại, hoặc xem sự nghi kỵ người khác là biểu hiện của lòng trung thành với dân tộc. Đây là cách hiểu sai lệch, dễ trượt sang dân tộc chủ nghĩa cực đoan – một sản phẩm của nỗi sợ, không phải của tình yêu.

Phản biện:

Từ góc nhìn Phật học và minh triết Việt, tình yêu dân tộc không xây trên đối lập – loại trừ, mà dựa trên: sự thấu hiểu lẫn nhau, tinh thần từ bi và bao dung, khả năng cộng sinh, năng lực hợp tác và hòa giải.

Chủ nghĩa dân tộc cực đoan chỉ tạo ra ảo giác về sức mạnh. Thực chất, nó thu hẹp tâm trí, triệt tiêu khả năng hội nhập, làm suy yếu trí tuệ dân tộc và gieo mầm xung đột. Một dân tộc mạnh không phải dân tộc đóng cửa, mà là dân tộc có bản lĩnh mở lòng mà vẫn giữ vững căn tính.

(2) Chủ nghĩa thân phận (identity politics) và nguy cơ phân mảnh xã hội

Hiện nay xuất hiện xu hướng coi “bản sắc dân tộc” chỉ là tổng hòa của các thân phận: dân tộc học, giới tính, niềm tin tôn giáo... và xem mọi “tính Việt” là sự quy chiếu áp đặt. Cách tiếp cận này dễ dẫn đến việc ưu tiên “thân phận riêng” trên “căn tính chung”, khiến cộng đồng bị phân mảnh.

Phản biện:

Bản sắc dân tộc Việt Nam có đặc trưng điều hòa khác biệt, chứ không xóa bỏ khác biệt. Lịch sử 54 dân tộc sống hòa hợp chứng minh Việt Nam mang mô hình “đa dạng trong thống nhất” – khác với “đa dạng trong phân chia” theo lối identity politics cực đoan.

Khi thân phận được tuyệt đối hóa, cộng đồng bị chia nhỏ thành những nhóm lợi ích cạnh tranh, làm suy yếu nền tảng cố kết xã hội. Dưới ánh sáng Phật học, tình yêu dân tộc không đi theo con đường phân tách mà hướng con người vượt khỏi bản ngã, mở rộng trái tim, kết nối cái chung mà không đánh mất cái riêng. Đó là nền tảng của một cộng đồng bền vững.

(3) Phản biện quan điểm cho rằng tình yêu dân tộc chỉ là cảm xúc truyền thống

Một số lập luận hiện nay đánh giá tình yêu dân tộc như di sản cảm xúc của quá khứ: mang tính hoài niệm, gắn với lịch sử chiến tranh, không còn nhiều giá trị trong xã hội số – nơi cá nhân hóa và toàn cầu hóa lên ngôi.

Phản biện:

Quan điểm này bỏ qua bản chất năng lực tạo sinh (generative power) của tình yêu dân tộc:

Nó tạo ra sức mạnh đoàn kết – nền tảng mọi thành tựu của Việt Nam. Nó trở thành động lực đổi mới, khi khát vọng chung được đặt cao hơn lợi ích riêng. Nó nuôi dưỡng trách nhiệm công dân, làm suy yếu sự thờ ơ xã hội. Nó là “*kháng thể mềm*” chống lại cực đoan, phân cực, tin giả – những thách thức của thời đại số.

Tình yêu dân tộc không chỉ nằm trong ký ức; nó là nhiên liệu hiện sinh giúp một dân tộc đứng vững trước biến động, và tiến về phía trước với tinh thần hội nhập mà không hòa tan.

PHẦN IV: KIẾN TẠO TÌNH YÊU DÂN TỘC TRONG KỶ NGUYÊN MỚI

4.1. Biến tình yêu dân tộc thành năng lực phát triển quốc gia

Mọi dân tộc mạnh đều có một điểm chung: họ biết tổ chức tình yêu nước thành năng lực phát triển.

Việt Nam bước vào giai đoạn mới với khát vọng lớn, nhưng khát vọng chỉ trở thành hiện thực khi tình yêu dân tộc không dừng ở cảm xúc, mà được thiết kế thành hệ thống giá trị – thể chế – hành động.

Tình yêu dân tộc vì thế có ba tầng:

(1) Tầng cảm xúc – ký ức và bản sắc

Ở tầng sâu nhất, tình yêu dân tộc đến từ những gì rất Việt: tiếng mẹ đẻ, câu ru, món ăn, những mất mát đã trải qua, những chiến thắng đã gìn giữ...

Đây là nền móng – không thể vay mượn, không thể nhập khẩu.

(2) Tầng nhận thức – hiểu biết về dân tộc mình

Lòng yêu nước chỉ bền khi dựa trên hiểu biết đúng: ta mạnh gì, yếu gì, cần tiến về đâu.

Một dân tộc thiếu tự hiểu mình sẽ rất dễ tự ái, rất dễ cực đoan, rất dễ bị dẫn dắt.

(3) Tầng hành động – biến yêu nước thành hiệu quả

Đây là điểm quyết định.

Tình yêu dân tộc chỉ trở thành sức mạnh khi nó bước vào: quyết sách, kinh tế, giáo dục, truyền thông, và cách mỗi công dân sống đời tử tế.

Khi ba tầng này liên thông, tình yêu dân tộc trở thành sức mạnh căn cơ, chứ không phải xúc cảm bốc đồng.

4.2. “Đạo lý Việt Nam thế kỷ XXI” – nền tảng mới của quốc gia mạnh

Việt Nam không thể bước vào kỷ nguyên số bằng hệ giá trị cũ.

Tác giả đề xuất “*Nền đạo lý Việt Nam thế kỷ XXI*” gồm bốn trụ:

(1) Dân là gốc – Nhân dân là trung tâm của phát triển

Từ Nguyễn Trãi đến Hồ Chí Minh, truyền thống này không hề đổi. Sức mạnh Việt Nam không nằm ở tài nguyên, mà trong “*lòng dân*”.

(2) Phát triển nhưng không đánh mất căn tính

Hội nhập nhưng không hòa tan. Hiện đại nhưng không đoạn tuyệt truyền thống. Giàu có nhưng không đánh mất lòng nhân.

(3) Quyền lực phải dựa trên liêm chính

Một dân tộc không thể lớn khi bộ máy thiếu liêm chính: Liêm chính tạo niềm tin. Niềm tin tạo sức mạnh. Sức mạnh tạo phát triển.

(4) Đa dạng trong thống nhất

Việt Nam là bức tranh đa sắc.

Tình yêu dân tộc chỉ bền khi biết tôn trọng sự khác biệt: vùng miền, dân tộc, tôn giáo, lối sống.

Đây là hệ giá trị giúp Việt Nam tự tin hội nhập và đủ bản lĩnh chống lại mọi cực đoan, chia rẽ.

4.3. “*Di sản mềm*” - sức mạnh mới của quốc gia Việt Nam

Trong kỷ nguyên cạnh tranh toàn cầu, tài sản lớn nhất của một quốc gia không chỉ là GDP, mà là điều khiến thế giới tôn trọng.

Di sản mềm Việt Nam, đó là văn hóa, đạo lý, lòng nhân ái, tinh thần đoàn kết, đời sống tín ngưỡng, khí chất Việt Nam.

Di sản mềm đem lại ba sức mạnh:

(1) Sức hút văn hóa – bản sắc Việt trở thành thương hiệu Việt

Ẩm thực, ngôn ngữ, nghệ thuật, lịch sử – tất cả có thể trở thành “*quyền lực mềm*”.

(2) Sức mạnh đoàn kết nội tại – hồn dân tộc không dễ bị chia rẽ

Trong thời đại nhiều biến động, di sản mềm là “*lá chắn*” tinh thần chống lại cực đoan, thù hằn, thông tin độc hại.

(3) Sức mạnh đối ngoại – một Việt Nam từ bi, nhân nghĩa, hòa hiếu

Một quốc gia đáng tin luôn có trọng lượng trên bàn cờ thế giới.

Di sản mềm không ồn ào, nhưng bền bỉ, thấm sâu – và đó chính là sức mạnh mà không cường quốc nào có thể sao chép.

4.4. “*Quản trị từ bi*” - phương thức lãnh đạo mới cho thời đại biến động

Phật học ứng dụng đã truyền cảm hứng cho Minh Dục kiến tạo khái niệm “*quản trị từ bi*”, nhưng không theo nghĩa yếu mềm.

Nó là quản trị của: trí tuệ, đối thoại, minh bạch, thấu hiểu con người.

4 nguyên tắc của quản trị từ bi:

(1) Hiểu dân trước khi yêu cầu dân hiểu mình. Chỉ khi nắm tâm tư dân thì chính sách mới hợp lòng dân.

(2) Đối thoại trước khi kết luận. Đối thoại giảm xung đột, tăng tin cậy.

(3) Minh bạch trước khi đòi hỏi niềm tin. Niềm tin không thể yêu cầu – nó phải được tạo dựng.

(4) Nghiêm minh nhưng không cay nghiệt. Giữ kỷ luật bằng tình thương, xử lý vấn đề bằng trí tuệ.

“*Quản trị từ bi*” chính là cầu nối giữa tình yêu dân tộc và quản trị quốc gia, giúp đất nước mạnh cả vật chất lẫn tinh thần.

4.5. Thế hệ công dân Việt Nam mới – nền tảng con người của quốc gia mạnh

Một tương lai hùng cường phải có con người hùng cường. Do đó, Việt Nam cần hình thành “*chân dung công dân mới*”:

(1) Năng lực số – làm chủ công nghệ, không để công nghệ làm chủ. Khả năng phân tích thông tin, chống tin giả, khai thác AI vào sáng tạo giá trị.

(2) Bản lĩnh Việt – giữ mình giữa thế giới phẳng. Không tự ti, không cực đoan. Tự tin nhưng không tự mãn.

(3) Ý thức cộng đồng – sống có trách nhiệm. Không sống như “*người ngoài cuộc*” trong chính quốc gia của mình.

(4) Liêm chính – nền tảng đạo đức của phát triển bền vững. Đây là thước đo phẩm giá cá nhân và phẩm giá dân tộc.

(5) Bồi đắp tâm công dân – trái tim biết thương đồng bào. Một công dân mạnh không chỉ có kỹ năng, mà có trái tim không bỏ rơi ai.

Thế hệ này sẽ là động lực đưa Việt Nam đi xa.

4.6. Chính sách – nơi tình yêu dân tộc trở thành hiện thực

Tình yêu dân tộc chỉ thật sự mạnh khi được hiện thực hóa bằng chính sách.

6 trụ cột chính sách cần ưu tiên:

(1) Bình đẳng đa chiều cho vùng đồng bào dân tộc, vùng tôn giáo, biên giới, hải đảo.

(2) Đầu tư cho văn hóa – giáo dục – ngôn ngữ, đặc biệt là vùng khó khăn.

(3) Phát triển kinh tế dựa trên đạo lý và liêm chính.

(4) Tăng cường “*kháng thể số*” chống tin giả, cực đoan, thao túng thông tin.

(5) Tái tạo văn hóa Việt trong kỷ nguyên số – từ bảo tồn đến sáng tạo.

(6) Đối thoại tôn giáo – dân tộc để củng cố hòa hợp và lòng tin xã hội.

Chính sách vững thì lòng dân yên; lòng dân yên thì quốc gia mạnh.

Kết luận từ phần IV, tình yêu dân tộc thời đại mới phải hội tụ ba yếu tố: trí tuệ – đạo lý – hành động.

Khi được tổ chức thành hệ giá trị, hệ tư tưởng và hệ chính sách, tình yêu dân tộc trở thành năng lực mềm đưa Việt Nam đi tới tương lai với tư thế của một dân tộc: tử tế – bản lĩnh – nhân ái – hùng cường.

Và đó cũng là tầm vóc tư tưởng mà tác giả hướng tới: Một dân tộc biết yêu nhau bằng lòng nhân, biết giữ nhau bằng đạo lý, và biết đi lên bằng trí tuệ.

PHẦN KẾT: TÌNH YÊU DÂN TỘC - NGỌN LỬA DẪN ĐƯỜNG CHO TƯƠNG LAI

Có những tình yêu chỉ đủ để làm ta xao động.

Nhưng cũng có những tình yêu đủ lớn để làm ta đứng dậy, đủ bền để giữ ta lại với nhau, và đủ sâu để đi cùng một dân tộc qua hết thăng trầm.

Đó là tình yêu dân tộc. Nó không ồn ào, không đòi hỏi, không khoe khoang. Nó lặng lẽ mà dai dẳng, giản dị mà vĩ đại, nhỏ bé trong từng hành động nhưng bao trùm trong ý nghĩa của một đời người.

1. Tổ quốc – nơi mọi con đường đều dẫn về

Tổ quốc không phải là đường biên vẽ trên bản đồ.

Tổ quốc là đường biên vẽ trong trái tim mỗi người Việt: là tiếng Việt giữ ta lại với nhau, là ký ức của cha ông giúp ta đứng vững, là giấc mơ về tương lai khiến ta

không bỏ cuộc.

Tổ quốc đôi khi chỉ là một ánh mắt tin cậy, một bàn tay cứu trợ, một lớp học sáng đèn ở vùng núi, một tiếng chuông chùa hòa cùng tiếng kinh nhà thờ, một mái nhà vững chãi để trẻ thơ không còn sợ đêm mưa.

Tổ quốc, cuối cùng, là tất cả những con người Việt Nam đang nâng đỡ nhau để sống tử tế hơn.

2. Dân tộc – cộng mệnh không thể chia rẽ

Một dân tộc chỉ thực sự mạnh khi biết nuôi dưỡng ý thức rằng: chúng ta thuộc về nhau. Không phải vì cùng dòng máu, mà vì cùng chia sẻ một cộng mệnh – những đau thương đã từng vượt qua và những tương lai còn phải dựng xây.

Một dân tộc đã đứng dậy từ mất mát thì không được phép bỏ rơi ai. Một dân tộc đã chiến thắng bằng nghĩa tình thì không được phép sống vô cảm. Một dân tộc đã tồn tại bằng đoàn kết thì không được phép chia rẽ nhau.

Chúng ta mạnh không phải vì đông, mà vì biết nương nhau để không ai ngã xuống một mình.

3. Chiến trường mới – và lời thề mới

Hôm nay, chúng ta không đối mặt bom đạn, nhưng đối mặt những nguy cơ tinh vi hơn: khủng hoảng niềm tin, đứt gãy giá trị, cực đoan số, thờ ơ xã hội, nghèo nàn văn hóa.

Đây là “*chiến trường vô hình*”, nơi vũ khí không còn là súng đạn, mà là trí tuệ – bản lĩnh – lòng nhân – đạo lý.

Yêu nước trong thời đại này vì vậy không phải là những phút hào hùng nhất thời, mà là kỷ luật sống hằng ngày: giữ sự thật khi xã hội nhiễu loạn, giữ tử tế khi thế giới đầy sân hận, giữ khiêm nhường khi thành công, giữ đoàn kết khi có khác biệt.

Đó là lời thề nguyện không viết thành văn bản, nhưng viết vào lương tâm mỗi người Việt.

4. “Giữ lấy nhau” – bí mật sinh tồn của dân tộc Việt Nam

Đi suốt mấy nghìn năm, dân tộc Việt Nam chưa bao giờ mạnh vì đơn độc.

Chúng ta mạnh vì giữ lấy nhau: giữ niềm tin cho người tuyệt vọng, giữ hy vọng cho người lạc lối, giữ phẩm giá cho người bị xúc phạm, giữ cơ hội cho người bị

bỏ lại phía sau.

Giữ để không ai thấy mình cô độc trong cộng đồng này. Giữ để mỗi người, mỗi dân tộc thiểu số, mỗi tôn giáo, mỗi phận đời... đều thấy mình có chỗ đứng trong mái nhà chung.

Đó là bí mật mềm nhưng bền nhất của quốc gia này.

5. Lời nguyện cuối cùng – và mở đầu cho một tương lai sáng

Nếu phải gói cả ấn phẩm này trong một câu, thì Minh Dục sẽ chọn câu này:

“Yêu dân tộc là một lời nguyện dài lâu: sống sao cho đất nước được bình yên vì có mình.”

Không phải vì mình là anh hùng. Mà vì đất nước cần từng bàn tay nhỏ, từng trái tim tử tế, từng ánh sáng tự thân.

Một ngày nào đó, khi nhìn lại, chúng ta muốn có thể nói với con cháu: Rằng ta đã sống không hổ thẹn. Rằng ta đã góp một phần vào dòng chảy của dân tộc. Rằng ta đã yêu nước bằng trí tuệ, bằng việc làm, bằng lòng nhân. Rằng ta đã không để ai phải đứng một mình.

Đó là lời nguyện của người Việt Nam hôm nay.

Và đó cũng là lý tưởng mà Tác giả gửi gắm: Tổ quốc không cần chúng ta hoàn hảo, chỉ cần chúng ta biết thương nhau, và biết đứng bên nhau – như suốt mấy nghìn năm qua.

Tài liệu tham khảo:

I. Ấn phẩm của Minh Dục (Nguyễn Hoàng Hành)

1. Minh Dục. (2025). 7 sắc màu tình yêu trong ánh sáng Phật pháp. Tạp chí Nghiên cứu Phật học.
2. Minh Dục. (2025). Ba trụ cột cấu thành mô hình “*Hội nhập tỉnh thức*”. Tạp chí Nghiên cứu Phật học.
3. Minh Dục. (2025). Chuyển hóa nhận thức – chuyển đổi số: Phật học và kiến tạo đạo lý trong kỷ nguyên công nghệ. Tạp chí Nghiên cứu Phật học.
4. Minh Dục. (2025). Con đường Bồ tát hạnh giữa cuộc đời. Tạp chí Nghiên cứu Phật học.

5. Minh Dục. (2025). Dư luận xã hội – Mặt trận mềm trong giữ vững niềm tin và ổn định chính trị. VietnamNet.
6. Minh Dục. (2025). Giới – Định – Tuệ: Trụ cột mềm kiến tạo xã hội minh triết. Tạp chí Nghiên cứu Phật học.
7. Minh Dục. (2025). Nhân quả và bản giao hưởng bí mật của thế kỷ XXI. Tạp chí Nghiên cứu Phật học.
8. Minh Dục. (2025). Ngọn lửa Ut Tịch soi bước phụ nữ Tây Nam Bộ. VietnamNet.
9. Minh Dục. (2025). Tam độc thời AI: Khi lòng tham lướt sóng, cơn giận thành xu hướng, vô minh được thuật toán hóa. Tạp chí Nghiên cứu Phật học.
10. Minh Dục. (2025). Tuệ quyền Pháp trị – Nền tảng đạo đức cho quản trị hiện đại. Tạp chí Nghiên cứu Phật học.
11. Minh Dục. (2025). Từ – Bi – Hỷ – Xả. Tạp chí Nghiên cứu Phật học.
12. Minh Dục. (2025). Tứ Nhiếp Pháp với chính quyền địa phương hai cấp. Tạp chí Nghiên cứu Phật học.

II. Kinh điển Phật giáo và Tài liệu Phật học

1. Bodhi, B. (2005). In the Buddha's Words: An Anthology of Discourses from the Pāli Canon. Wisdom Publications.
2. Harvey, P. (2013). An Introduction to Buddhism: Teachings, History and Practices (2nd ed.). Cambridge University Press.
3. Nguyễn Tường Bách. (2018). Phật học tinh tuyển. NXB Hồng Đức.
4. Thích Nhất Hạnh. (2006). Understanding Our Mind. Parallax Press.
5. Thích Nhất Hạnh. (2014). Love Letter to the Earth. Parallax Press.

III. Minh triết Việt Nam – Văn hóa – Lịch sử

1. Nguyễn Đăng Duy. (2019). Minh triết Việt trong văn hóa và tư tưởng. NXB Tôn giáo.
2. Nguyễn Trãi. (2005). Bình Ngô đại cáo. In Nguyễn Trãi toàn tập. NXB Khoa học Xã hội.

3. Tôn Thất Bình. (2020). Căn tính Việt Nam trong dòng chảy lịch sử. NXB Chính trị Quốc gia Sự thật.

4. Trần Hưng Đạo. (2003). Hịch tướng sĩ. NXB Văn hóa – Thông tin.

IV. Tư tưởng Hồ Chí Minh – Chính trị – Đạo lý dân tộc

1. Hồ Chí Minh. (2011). Hồ Chí Minh toàn tập (Tập 1-15). NXB Chính trị Quốc gia Sự thật.

2. Nguyễn Duy Quý. (2016). Đại đoàn kết dân tộc trong thời kỳ mới. NXB Lý luận Chính trị.

3. Võ Nguyên Giáp. (1998). Tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc. NXB Chính trị Quốc gia.

V. Triết học ứng dụng – Quản trị hiện đại – Xã hội số

1. Benkler, Y. (2019). Network Propaganda: Manipulation, Disinformation, and Radicalization in American Politics. Oxford University Press.

2. Floridi, L. (2014). The Fourth Revolution: How the Infosphere Is Reshaping Human Reality. Oxford University Press.

3. Sandel, M. J. (2020). The Tyranny of Merit. Farrar, Straus and Giroux.

4. Scharmer, O., & Kaufer, K. (2013). Leading from the Emerging Future. Berrett-Koehler Publishers.

VI. Các công trình về compassion, neuroscience & digital ethics

1. Davidson, R. J., & Dahl, C. J. (2018). The neuroscience of compassion. Annual Review of Psychology, 69, 108-134.

2. Zuboff, S. (2019). The Age of Surveillance Capitalism. PublicAffairs.

Tác giả: **Ths Nguyễn Hoàng Hành (Minh Dục)**

Phó Vụ trưởng Vụ Tuyên truyền công tác dân tộc, tôn giáo – Bộ Dân tộc và Tôn giáo